

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**  
\*\*\*\*\*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**TIẾNG TRUNG TỔNG HỢP 2**

**Số tín chỉ: 02**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc**

**Năm 2020**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Tiếng Trung tổng hợp 2

2. Mã học phần: NNTQ 034

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ 1 (kỳ 2)

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Trung tổng hợp 1.

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Xuân Giang	0912779326	nxgiang@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0348518391	ntlan@saodo.edu.vn
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978693593	bttrang@saodo.edu.vn
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988964751	ntxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng, các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong học phần: Thời tiết, âm nhạc, học tập, thi cử, đi du lịch, đi máy bay, tổ chức buổi liên hoan, trải nghiệm trong cuộc sống, dự định trong tương lai, khả năng của bản thân. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, cung cấp cách dùng từ ngữ trọng điểm, cấu trúc câu và các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung bài học. Các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến nâng cao, tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
<b>MT1</b>	<b>Kiến thức</b>		
	<p>Trình bày kiến thức về các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ vựng: Các từ, cụm từ theo chủ đề giao tiếp trong học phần: Thời tiết, âm nhạc, học tập, thi cử, đi du lịch, đi máy bay, tổ chức buổi liên hoan, trải nghiệm trong cuộc sống, dự định trong tương lai, khả năng của bản thân.</li> <li>- Cấu trúc ngữ pháp: Câu so sánh, câu vô chủ, câu bị động, câu phản vấn, câu chữ 把, câu chữ 被, bổ ngữ, trợ từ động thái, lượng từ lặp lại, hình dung từ lặp lại, cách diễn đạt động tác sắp xảy ra, cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn, cấu trúc: 是....的, 越来越..., 越...越..., 不但...而且..., 一...就..., 只要...就..., 只要...才..., 一边...一边...; 先...再/又..., 然后..., 最后..., 连...也/都....</li> </ul>	2	[1.2.1.1a]
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
	<p>Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ cơ bản, đảm bảo giao tiếp được các tình huống thông thường trong cuộc sống hằng ngày: Thời tiết, âm nhạc, học tập, thi cử, đi du lịch, đi máy bay, tổ chức buổi liên hoan, trải nghiệm trong cuộc sống, dự định trong tương lai, khả năng của bản thân.</p>	3	[1.2.2.1]
<b>MT3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
	<p>Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.</p>	3	[1.2.3.1]

## 9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bố CDR học phần trong CTĐT</b>
<b>CĐR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CĐR1.1	Liệt kê được từ vựng thuộc các chủ đề giao tiếp: Thời tiết, âm nhạc, học tập, thi cử, đi du lịch, đi máy bay, tổ chức buổi liên hoan, trải nghiệm trong cuộc sống, dự định trong tương lai, khả năng của bản thân.	2	[2.1.4]
CĐR1.2	Trình bày được từ loại, nghĩa, cách phát âm của từ vựng trong học phần.		
CĐR1.3	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp của câu so sánh dùng: 比、有/没有、跟....一样、不如、最、更.		
CĐR1.4	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm ngữ pháp: Câu vị ngữ chủ vị, câu cảm thán, câu vô chủ, câu tồn hiện, câu bị động, câu phản vấn, câu chữ 把 - 被, câu phức không có từ nối.		
CĐR1.5	Trình bày được định nghĩa, công thức, đặc điểm: Bỏ ngữ số lượng, bỏ ngữ động lượng, bỏ ngữ xu hướng, bỏ ngữ khả năng.		
CĐR1.6	Nêu được ý nghĩa, đặc điểm cấu trúc: 是...的, 越来越..., 越...越..., 不但...而且..., 一...就..., 只要...就..., 只要...才..., 一边...一边...; 先...再/又, ...然后..., 最后..., 连...也/都..., 一年比一年, 又.		
CĐR1.7	Xác định được ý nghĩa, vị trí, đặc điểm: Trợ từ ngữ khí 了, trợ từ động thái 过 và 着, trạng ngữ và trợ từ kết cấu 地, lượng từ lặp lại và hình dung từ lặp lại.		
CĐR1.8	Trình bày được cách diễn đạt động tác sắp xảy ra, nhấn mạnh sự khẳng định, số thứ tự và cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn.		
<b>CĐR2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
CĐR2.1	Viết đúng, nhớ mặt chữ và nghĩa các chữ Hán trong học phần.	3	[2.2.1]

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bố CDR học phần trong CTĐT</b>
CĐR2.2	Phát âm chuẩn và sử dụng đúng các từ vựng trong học phần.		
CĐR2.3	Sử dụng được các từ vựng và các hiện tượng ngữ pháp trong học phần để diễn đạt ý muốn nói, đặt câu, viết câu, dịch bài đọc và hoàn thành bài tập liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong học phần.		
CĐR2.4	Nghe hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ đề giao tiếp trong học phần.		
CĐR2.5	Hội thoại, đọc thoại được về chủ đề giao tiếp trong học phần.		
CĐR2.6	Đọc hiểu được các đoạn văn 100-200 từ về các chủ đề giao tiếp trong học phần.		
CĐR2.7	Viết được các đoạn văn ngắn khoảng 100-200 từ về các chủ đề: Thời tiết, âm nhạc, học tập, thi cử, đi du lịch, đi máy bay, tổ chức buổi liên hoan, trải nghiệm trong cuộc sống, dự định trong tương lai, khả năng của bản thân.		
CĐR2.8	Giao tiếp lưu loát về các chủ đề trong học phần.		
<b>CĐR3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CĐR3.3	Phân công nhiệm vụ một cách có hiệu quả.		
CĐR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

### 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	<b>第一课：我比你更喜欢音乐</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x	x	x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
2	<b>第二课：我们那儿的冬天跟北京一样冷</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x	x			x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
3	<b>第三课：冬天要到了</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x		x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
4	<b>第四课：快上来吧，要开车了</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法	x	x			x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 1.6	CĐR 1.7	CĐR 1.8	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 2.7	CĐR 2.8	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
	五、练习																				
5	<b>第五课：我听过钢琴节奏曲《黄河》</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x			x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
6	<b>第六课：我是跟旅游团一起来的</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x				x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
7	<b>第七课：我的护照你找到了没有</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x		x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
8	<b>第八课：我的眼镜摔坏了</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x		x		x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 1.6	CĐR 1.7	CĐR 1.8	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 2.7	CĐR 2.8	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
9	<b>第九课: 要是忘拔下来了</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x			x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
10	<b>第十课: 会议厅的门开着呢</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x					x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
11	<b>第十一课: 前边开过来一辆空车</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x		x		x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
12	<b>第十二课: 为什么把“福”字倒贴在门上</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x		x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
13	<b>第十三课: 请把护照和机票给我</b> 一、课文	x	x		x					x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	



Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 1.7	CDR 1.8	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 2.5	CDR 2.6	CDR 2.7	CDR 2.8	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
	二、生词 三、注释 四、语法 五、练习																				
14	<b>第十四课：我的腿被自行车撞伤了</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x		x		x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
15	<b>第十五课：京剧我看得懂，但是听不懂</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x			x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
16	<b>第十六课：山这么高，你爬得上去吗</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x			x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
17	<b>第十七课：我想起来了</b> 一、课文 二、生词 三、注释	x	x			x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần																			
		CDR1								CDR2								CDR3			
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 1.4	CĐR 1.5	CĐR 1.6	CĐR 1.7	CĐR 1.8	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 2.7	CĐR 2.8	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3	CĐR 3.4
	四、语法 五、练习																				
18	<b>第十八课: 寒假你打算去哪儿旅行</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x				x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
19	<b>第十九课: 有困难找警察</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x		x	x				x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
20	<b>第二十课: 吉利的数字</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、练习	x	x		x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CDR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

### 11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp, tự luận.

- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút).

- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

## 12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.  
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.

- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.

- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

## 13. Tài liệu phục vụ học phần

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] - Dương Ký Châu chủ biên - Trần Thị Thanh Liêm biên dịch (2020), *Giáo trình Hán ngữ (tập 2, quyển thượng)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] - Dương Ký Châu chủ biên - Trần Thị Thanh Liêm biên dịch (2020), *Giáo trình Hán ngữ (tập 2, quyển hạ)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

**- Tài liệu tham khảo:**

[3] - Khương Lê Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 2*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] - Khương Lê Bình (2019), *Giáo trình chuẩn HSK 3*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

**14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy học**

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
1	<p>第一课 我比你更喜欢音乐</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu so sánh dùng 比, 有/没有, câu cảm thán, bổ ngữ số lượng.</li> <li>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</li> <li>- Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu sở thích của bản thân, người thân và bạn bè (sử dụng câu so sánh hơn).</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法     (一) 比较句     (二) 数量补语     (三) 感叹句 五、练习</p>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 11. [3]: Trang 95 -100. [4]: Trang 97 -102.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong: [1]: Trang 11 - 21.</li> </ul>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
2	<p>第二课 我们那儿的冬天</p>	1	<p><b>Thuyết trình; Trực quan;</b></p>	CĐR1.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
	<p>跟北京一样冷</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu so sánh dùng 跟... 一样/不一样, cấu trúc 不但...而且...</li> <li>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</li> <li>- Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về thời tiết Việt Nam (có sử dụng cấu trúc so sánh) .</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>（一）比较句：跟... 一样/不一样</p> <p>（二）不但...而且...</p> <p>五、练习</p>	(1LT, 0TH)	<p><b>Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu:</li> <li>[1]: Trang 22 - 28.</li> <li>[4]: Trang 88 - 91.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong:</li> <li>[1]: Trang 28 - 37.</li> </ul>	CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
3	<p>第三课 冬天要到了</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> </ul>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới,</li> </ul>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
	<p>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Cách biểu đạt động tác xảy ra trong tương lai, câu vô chủ, trợ từ kết cấu 地.</p> <p>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</p> <p>- Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về cảnh đẹp nơi mình sống.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>（一）变化的表达：语气助词“了”</p> <p>（二）动作即将发生</p> <p>（三）状语与结构助词</p> <p>（四）无主语句</p> <p>五、练习</p>		<p>hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</p> <p>+ Gọi hội thoại theo cặp.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 38 - 45. [3]: Trang 127 - 130.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong: [1]: Trang 46 - 53.</p>	<p>CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
4	<p><b>第四课</b></p> <p><b>快上来吧，要开车了</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</p> <p>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm cách dùng của bổ ngữ xu hướng đơn.</p> <p>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong</p>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <p>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</p> <p>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</p>	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3,</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
	bài để hoàn thành bài tập. - Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về việc đi tham quan, tham gia các hoạt động ngoại khóa. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：简单趋向补语 五、练习		+ Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 54 - 61. [4]: Trang 28 - 30. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong: [1]: Trang 61 - 69.	CĐR3.4.
5	<b>第五课 我听过钢琴节奏曲《黄河》</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Trợ từ động thái 过, bỏ ngữ động lượng, cách biểu đạt số thứ tự. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. - Viết được đoạn văn ngắn về sự việc đã từng xảy ra trong quá khứ. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文	2 (2LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 70 - 80. [2]: Trang 120 - 123.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR1.7, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
	二、生词 三、注释 四、语法 (一) 动态助词“过” (二) 动量补语 (三) 序数的表达 五、练习		+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 80 - 87.	
6	第六课 我是跟旅游团一起来的 <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu 是....的, cấu trúc 一....就...., hình dung từ lặp lại. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 (一) 是....的 (二) 一....就.... (三) 形容词重叠 五、练习	1 (1LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 88 - 95. [3]: Trang 39 - 42. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong:	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.



TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
			[1]: Trang 96 - 104.	
7	<p>第七课 我的护照你找到了没有</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu vị ngữ chủ vị, bổ ngữ kết quả 在、着、好、成.</li> <li>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</li> <li>- Viết được đoạn văn ngắn về chủ đề tìm đồ vật và bị lạc đường.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）主谓谓语句（2） （二）结果补语：“在、着、好、成” 五、练习</p>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu:</li> </ul> <p>[1]: Trang 105 - 112. [3]: Trang 79 - 82.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong:</li> </ul> <p>[1]: Trang 112 - 117.</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
8	<p>第八课 我的眼镜摔坏了</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội</li> </ul>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</li> </ul>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.6, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
	<p>dung bài khóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu bị động, lượng từ lặp lại.</li> <li>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>(一) 被动句</p> <p>(二) 量词重叠</p> <p>(三) 一年比一年</p> <p>五、练习</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 119 - 125. [3]: Trang 55 - 58.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 126 - 132.</li> </ul>	<p>CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
9	<p>第九课 要是忘拔下来了</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm cách dùng của bổ ngữ xu hướng kép.</li> <li>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> </ul>	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
	一、课文 二、生词 三、注释 四、语法: 复合趋向补语 五、练习		+ Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 133 - 140. [4]: Trang 123 - 126. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong: [1]: Trang 141- 148.	
10	<b>第十课</b> <b>会议厅的门开着呢</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm cách dùng của: Trợ từ động thái 着. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. - Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu sở thích của bản thân, người thân và bạn bè. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法: 动词+着	4 (2LT, 0TH 2KT)	<b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 149 - 154. [3]: Trang 111 - 114. [4]: Trang 36 - 40. + Lắng nghe hướng dẫn của	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.7, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
	五、练习 <b>Kiểm tra giữa học phần</b>		giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong: [1]: Trang 154 - 160. + Làm bài kiểm tra.	
11	第十一课 前边开过来一辆空车 <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu tồn hiện, cấu trúc 越来越...và 越...越... - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 (一) 存现句 (二) “越来越...”和“越...越...” 五、练习	1 (1LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 1- 7. [4]: Trang 88 - 91. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong:	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
			[2]: Trang 7 - 14.	
12	<p>第十二课 为什么把“福”字倒贴在门上</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm cách dùng câu chữ 把 (1).</li> <li>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</li> <li>- Viết được đoạn văn ngắn kể lại bữa tiệc liên hoan lễ giáng sinh.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：“把”字句 五、练习</p>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu:</li> </ul> <p>[2]: Trang 15 - 22. [4]: Trang 106 - 109.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong:</li> </ul> <p>[1]: Trang 22 - 30.</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
13	<p>第十三课</p> <p>请把护照和机票给我</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> </ul>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</li> </ul>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
	<p>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm cách dùng câu chữ 把 (2).</p> <p>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</p> <p>- Viết được đoạn văn ngắn kể lại việc đi máy bay.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法：“把”字句 (2)</p> <p>五、练习</p>		<p>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</p> <p>+ Gọi hội thoại theo cặp.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 31 - 36. [4]: trang 114 - 118.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong: [2]: Trang 36 - 45.</p>	<p>CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
14	<p>第十四课</p> <p>我的腿被自行车撞伤了</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</p> <p>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu chữ 被, cách dùng 又.</p> <p>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong</p>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <p>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</p> <p>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</p> <p>+ Gọi hội thoại theo cặp.</p>	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3,</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
	bài để hoàn thành bài tập. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 (一) “被”字句 (二) 又 五、练习		+ Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 46 - 53. [4]: Trang 185 - 187. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong: [2]: trang 53 - 60.	CĐR3.4.
15	第十五课 京剧我看得懂, 但是听不懂 <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: 把 ngữ khả năng (1), 了 và 下 làm ngữ khả năng. - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. - Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu khả năng của bản thân (sử dụng 把 ngữ khả năng). <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文	2 (2LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 61 - 70. [4]: Trang 62 - 65. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung,	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
	二、生词 三、注释 四、语法 (一) 可能补语 (1) (二) 动词+得/不+了 (三) 动词+得/不+下 五、练习		ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong: [2]: Trang 70 - 78.	
16	<b>第十六课 山这么高, 你爬得上吗</b> <b>Mục tiêu bài:</b> - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài. - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài. - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa. - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Bổ ngữ khả năng (2), so sánh bổ ngữ khả năng và bổ ngữ trạng thái, cấu trúc 只要...就... - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập. <b>Nội dung cụ thể:</b> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 (一) 可能补语 (2) (二) 可能补语与状态补语 (三) 只要.....就..... 五、练习	2 (2LT, 0TH)	<b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b> <b>- Giảng viên:</b> + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới. + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm. + Giao bài tập cho cá nhân. + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập. + Gọi hội thoại theo cặp. + Gọi sinh viên trả lời. + Nhận xét, đánh giá kết quả. <b>- Sinh viên:</b> + Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 79 - 86. [4]: Trang 167 -170. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong: [2]: Trang 86 - 93.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.



TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
17	<p>第十七课 我想起来了</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</li> <li>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Cách dùng mở rộng của bổ ngữ xu hướng kép, cấu trúc 只要...才...</li> <li>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>（一）趋向补语与引申用法</p> <p>（二）只要.....才.....</p> <p>五、练习</p>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</li> <li>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</li> <li>+ Giao bài tập cho cá nhân.</li> <li>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</li> <li>+ Gọi hội thoại theo cặp.</li> <li>+ Gọi sinh viên trả lời.</li> <li>+ Nhận xét, đánh giá kết quả.</li> </ul> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 94 - 101. [3]: Trang 176 - 179. [4]: Trang 185 - 188.</li> <li>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</li> <li>+ Luyện phát âm.</li> <li>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</li> <li>+ Hoàn thành bài tập trong: [2]: Trang 101 - 109.</li> </ul>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
18	<p>第十八课</p> <p>寒假你打算去哪儿旅行</p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</li> <li>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</li> </ul>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</li> </ul>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.6, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
	<p>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Cách dùng linh hoạt của đại từ nghi vấn, cấu trúc 一边... 一边...; 先...再/又,...然后...,最后...</p> <p>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>（一）疑问代词的活用</p> <p>（二）一边....一边....</p> <p>（三）先....（又），....然后....，最后....</p> <p>五、练习</p>		<p>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</p> <p>+ Gọi hội thoại theo cặp.</p> <p>+ Gọi sinh viên trả lời.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá kết quả.</p> <p><b>- Sinh viên:</b></p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [2]: Trang 110 - 116. [4]: Trang 124 - 127, 133-135.</p> <p>+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.</p> <p>+ Luyện phát âm.</p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trong: [2]: Trang 117 - 123.</p>	<p>CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.</p>
19	<p><b>第十九课 有困难找警察</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.</p> <p>- Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.</p> <p>- Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu phức không có từ nối, bổ ngữ trạng thái</p> <p>- Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.</p>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b></p> <p><b>- Giảng viên:</b></p> <p>+ Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.</p> <p>+ Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.</p> <p>+ Gọi hội thoại theo cặp.</p>	<p>CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3,</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
	<p><b>Nội dung cụ thể:</b>            一、课文            二、生词            三、注释            四、语法            (一) 无关联词语复句            (二) 状态补语 (二)            五、练习</p>		<p>+ Gọi sinh viên trả lời.            + Nhận xét, đánh giá kết quả.  <b>- Sinh viên:</b>            + Đọc trước tài liệu:            [2]: Trang 124 - 130.            [4]: Trang 152 - 154.            + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài.            + Luyện phát âm.            + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi.            + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài.            + Hoàn thành bài tập trong:            [2]: Trang 130 - 138.</p>	CĐR3.4.
20	<p><b>第二十课 吉利的数字</b>  <b>Mục tiêu bài:</b>            - Phát âm và viết đúng các từ vựng trong bài.            - Đặt được câu đúng với các từ vựng trong bài.            - Đọc và dịch lưu loát nội dung bài khóa.            - Trình bày được đặc điểm cách dùng các hiện tượng ngữ pháp: Câu phản vấn, cách biểu đạt nhấn mạnh khẳng định, cấu trúc 连...也/都...            - Sử dụng được từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài để hoàn thành bài tập.  <b>Nội dung cụ thể:</b>            一、课文            二、生词            三、注释            四、语法</p>	1 (1LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình; Trực quan; Đàm thoại; Đóng vai.</b>  <b>- Giảng viên:</b>            + Trình chiếu, giảng giải làm rõ nghĩa từ mới, lấy ví dụ minh họa, yêu cầu sinh viên viết từ mới.            + Phát âm mẫu các từ mới, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm, và đặt câu với từ trọng điểm.            + Giao bài tập cho cá nhân.            + Hướng dẫn sinh viên làm các bài tập.            + Gọi hội thoại theo cặp.            + Gọi sinh viên trả lời.            + Nhận xét, đánh giá kết quả.  <b>- Sinh viên:</b>            + Đọc trước tài liệu:            [2]: Trang 138 - 147.            [4]: Trang 17 - 21.            + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung,</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR1.6, CĐR1.8, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR2.5, CĐR2.6, CĐR2.7, CĐR2.8, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy học	CĐR học phần
	(一) 反问句 (二) 连.....也/都..... (三) 强调肯定: 二次否定 五、练习		ghi chép bài. + Luyện phát âm. + Suy nghĩ, trả lời câu hỏi. + Đóng vai hội thoại theo cặp theo nội dung của bài. + Hoàn thành bài tập trong: [2]: Trang 147 - 156.	

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA**

**PHÓ BỘ MÔN**



**TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên**

**Nguyễn Đăng Tiến**

**Nguyễn Thị Hoa**